TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỒNG DÂN** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2021/HNGĐ - ST
Ngày: 16/6/2021.
"V/v tranh chấp xin ly hôn và nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG DÂN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lâm Bé Nhi**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lại Thiện Phong**

Bà **Ngô Hồng Xuân**

Thư ký phiên tòa: Bà **Thái Kim Phương** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân tham gia phiên tòa: Ông **Dương Minh Kha** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 6 năm 2021 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hồng Dân mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 08/2021/TLST–HNGĐ, ngày 07 tháng 01 năm 2021 về việc tranh chấp xin ly hôn và nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2021/QĐXXST–HNGĐ, ngày 04 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Hồng C**, sinh năm 1987. Địa chỉ: Ấp X, thị trấn N, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Chí T**, sinh năm 1978. Địa chỉ: Ấp X, thị trấn N, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

(Chị Nguyễn Thị Hồng C vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Nguyễn Chí T vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị C và anh T có tổ chức đám cưới trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc và có tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Nghĩa, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre vào ngày 15/8/2010. Trong thời gian

đầu, vợ chồng anh chị chung sống với nhau hạnh phúc nhưng được một thời gian thì phát sinh mâu thuẩn do vợ chồng anh chị thường xuyên cự cải bất đồng quan điểm trong cuộc sống và hiện tại hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau khoảng 01 năm cho đến nay. Nay chị C nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị C yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Chí T.

Về quan hệ con chung: Chị C xác định trong quá trình chung sống, giữa chị và anh Nguyễn Chí T có 02 người con chung là cháu Nguyễn Ngọc Hồng Trinh, sinh ngày 10/02/2011 và cháu Nguyễn Ngọc Tiên, sinh ngày 27/10/2016. Hiện tại hai cháu Trinh và Tiên đang sống chung với chị C nên chị C yêu cầu được nuôi con nhưng chị C không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị C không có yêu cầu gì khác.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Chí T không cung cấp lời khai của mình cho Tòa án, Tòa án có đến nơi cư trú của anh T để lấy lời khai nhưng anh T vắng mặt. Cơ quan có thẩm quyền tại địa phương nơi cư trú của anh T xác định: anh Nguyễn Chí T vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp X, thị trấn N, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu nhưng hiện tại anh T vắng mặt nơi cư trú, khi bỏ đi thì không có trình báo hay xin vắng mặt. Từ đó, Tòa án tiến hành niêm yết công khai tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án đúng quy định pháp luật nhưng đến nay anh Nguyễn Chí T vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình; Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Hồng C được ly hôn với anh Nguyễn Chí T;

2. Về quan hệ con chung: Tiếp tục giao các cháu Nguyễn Ngọc Hồng Trinh, sinh ngày 10/02/2011 và cháu Nguyễn Ngọc Tiên, sinh ngày 27/10/2016 cho chị C

nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị C không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên anh T không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng anh T có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản.

3. Về quan hệ tài sản: Chị C không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Ngoài ra đương sự còn phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị Hồng Cẩm khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Chí T và yêu cầu giải quyết về con chung nên căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án thụ lý giải quyết vụ án về "Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con" là đúng quy định.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Nguyễn Chí T có nơi đăng ký thường trú tại ấp X, thị trấn N, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng C tuy rằng vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu được xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với chị C. Bị đơn anh Nguyễn Chí T vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Chí T.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị C và anh T có tổ chức đám cưới với nhau trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Nghĩa, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre vào ngày 15/8/2010 nên quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh T là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình chung sống đến nay, chị C xác định chị và anh T có phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cự cải, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chị C không thể hàn gắn với anh T được nữa. Hiện tại hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau khoảng 01 năm cho đến nay. Nay chị C nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T. Trong quá trình

giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành xác minh được biết giữa chị C và anh T có phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng lúc sống chung thường xuyên cự cải, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau khoảng 01 năm cho đến nay. Vì vậy, căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cho chị Nguyễn Thị Hồng C được ly hôn với anh Nguyễn Chí T.

[2] Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống chị C xác định giữa chị và anh Nguyễn Chí T có 02 người con chung là cháu Nguyễn Ngọc Hồng Trinh, sinh ngày 10/02/2011 và cháu Nguyễn Ngọc Tiên, sinh ngày 27/10/2016. Hiện tại cháu Trinh và cháu Tiên đang sống chung với chị C nên chị C yêu cầu được nuôi con và chị C không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Trinh và cháu Tiên đang sống cùng chị C và các cháu đã có cuộc sống, môi trường ăn, ở, học ổn định. Đồng thời, cháu Trinh có nguyện vọng theo sống cùng mẹ là chị C. Do đó, Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu Nguyễn Ngọc Hồng Trinh, sinh ngày 10/02/2011 và cháu Nguyễn Ngọc Tiên, sinh ngày 27/10/2016 cho chị C nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị C không yêu cầu cấp dưỡng nên anh T không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng anh T có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản.

[3] Về quan hệ tài sản: Chị C không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Hồng C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Về ý kiến phát biểu việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên: Hội đồng xét xử xét thấy việc đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ và được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng C.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Hồng C được ly hôn với anh Nguyễn Chí T.

2/ Về con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Ngọc Hồng Trinh, sinh ngày 10/02/2011 và cháu Nguyễn Ngọc Tiên, sinh ngày 27/10/2016 cho chị C nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị C không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên anh T không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng anh T có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản.

3/ Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Hồng C không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4/ Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Hồng C phải nộp số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng chị C đã dự nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0003427 ngày 07/01/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu nay chuyển thu toàn bộ số tiền trên thành án phí.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ. Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp và cấp trên được quyền kháng nghị bản án này theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Hồng Dân;
- Chi cục THADS huyện Hồng Dân;
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lâm Bé Nhi